

APPLICATION FORM

ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP HỌC

FOR OFFICE USE ONLY
(Applicant does not fill in this section)
(Sinh viên không điền vào phần này)

Application code:

Application ID _____

Date received by PA
(dd/mm/yyyy): _____

PA's stamp and signature

Date received by Admissions
(dd/mm/yyyy): _____

Admissions' stamp and signature

Selection officer's approval:


- Unconditional
 Conditional on English
 Conditional on document submission

Other: _____

Selection officer's stamp, signature and date

Note: _____


 **Please use CAPITAL LETTERS when completing this form**
Vui lòng điền đơn đăng ký nhập học bằng chữ IN HOA

 **1 Personal information**
Thông tin cá nhân

 **Have you previously applied for a place/been issued an offer letter or been enrolled in a program at RMIT?**

Bạn đã từng đăng ký/ đã được gửi thư mời nhập học hoặc đã nhập học tại RMIT? Nếu có, vui lòng ghi rõ mã số sinh viên

Yes/Có No/Không **Student ID/Mã số Sinh viên** _____

 **Please fill in your family name, middle name(s) and given name as stated in your ID card/passport**

Ghi đúng họ, tên đệm, tên như trong Chứng minh Nhân dân

Family name/Họ _____

Middle name(s)/Tên đệm _____

Given name/Tên _____

 **Date of birth (dd/mm/yyyy)**

Ngày, tháng, năm sinh

 **Gender**

Giới tính

Male/Nam


Female/Nữ

Other/Khác

 **Will you be 16 years old when you commence your studies? Please note that you can only commence your studies at RMIT including English and Foundation Studies programs when you turn 16.**

Bạn sẽ đủ 16 tuổi khi bạn bắt đầu học? Xin lưu ý, bạn cần phải đủ 16 tuổi để tham gia học tại RMIT bao gồm chương trình tiếng Anh và Dự bị Đại học.

Yes/Có No/Không

 **Will you be under 18 when you commence your studies?/Bạn sẽ dưới 18 tuổi khi bạn bắt đầu học?**

Yes/Có No/Không

 **Nationality**

Quốc tịch

Vietnamese/Việt Nam - **Ethnic/Dân tộc** _____

Other (please specify)/Khác (vui lòng ghi rõ) _____

 **2 Contact information**
Thông tin liên lạc

 **Permanent home address/Hộ khẩu thường trú**

House number and street name/Số nhà và tên đường _____

Ward/Phường _____

District or town/Quận hoặc huyện _____

Province or city/Tỉnh hoặc thành phố _____

 **Postal address/Địa chỉ gửi thư**

As above/Nếu giống như trên thì đánh dấu vào đây và không điền phần này

House number and street name/Số nhà và tên đường _____

Ward/Phường _____

District or town/Quận hoặc huyện _____

Province or city/Tỉnh hoặc thành phố _____

 **Contact details*/Chi tiết liên lạc***

Home phone/Điện thoại bàn _____

Mobile/Di động _____

Email _____

**The contact details provided will be used for communication with students until graduation. If you wish to change the details at anytime, please contact RMIT Connect.*

Xin lưu ý, thông tin liên lạc này sẽ được sử dụng trong việc thông tin từ nhà trường trong suốt quá trình học cho đến khi tốt nghiệp. Mọi thay đổi sinh viên cần liên hệ với bộ phận Hỗ trợ Sinh viên.

Personal contact/Thông tin người thân

I agree for RMIT to contact the below nominee(s):

Tôi đồng ý cho RMIT thông báo với người thân dưới đây, trong các trường hợp:

- Contact #1's full name/Họ tên người thân 1** _____
 Release of study progress/Thông báo tình hình học tập _____ **In an emergency/Trường hợp khẩn cấp** _____
Relationship/Quan hệ _____ **Occupation/Nghề nghiệp** _____
Mobile/Di động _____ **Email** _____
- Contact #2's full name/Họ tên người thân 2** _____
 Release of study progress/Thông báo tình hình học tập _____ **In an emergency/Trường hợp khẩn cấp** _____
Relationship/Quan hệ _____ **Occupation/Nghề nghiệp** _____
Mobile/Di động _____ **Email** _____

In case of emergency, please specify which hospital should be chosen (tick ONE box only)

Trong trường hợp khẩn cấp, vui lòng chọn dịch vụ bệnh viện bạn muốn sử dụng (chỉ chọn 1)

- Campus medical clinic**
Phòng y tế của trường chỉ định bệnh viện
- Student preference (please indicate hospital):**
Sinh viên tự chỉ định (vui lòng ghi rõ tên bệnh viện): _____

Special offers/Chương trình ưu đãi

- Family discount (5% discount on tuition fees at RMIT Vietnam for a sibling, spouse or parent of a current/past student at RMIT Vietnam).***
Giảm 5% học phí cho sinh viên có anh chị em ruột, cha mẹ, vợ chồng đã hoặc đang học tại RMIT Việt Nam.*

Family member's student ID/Mã số sinh viên của thành viên gia đình _____

**Student must provide notarised copy of birth certificate/marriage certificate to receive this discount.*

Sinh viên phải cung cấp bản sao công chứng giấy khai sinh của bản thân và thành viên gia đình đã/đang học tại RMIT hoặc bản sao công chứng giấy chứng nhận kết hôn để được hưởng ưu đãi này.

- Alumni discount (10%) for bachelor or master graduates of RMIT or any Australian universities.**
Giảm 10% học phí cho cựu sinh viên tốt nghiệp Đại học hoặc Thạc sĩ tại RMIT hoặc các Đại học Úc.

3 Academic records

Thông tin quá trình học tập

- High school/Trung học Phổ thông** _____
Country/Tỉnh hoặc thành phố _____ **GPA for grade 12/Điểm TB lớp 12** _____
Year of graduation/Năm tốt nghiệp _____

- Other college or university/Trường Cao đẳng hoặc Đại học khác** _____
Program name/Tên ngành _____
Program level/Cấp độ học _____ **Study location/Địa điểm học** _____
 Completed _____ **Duration** _____ **From (mm/yyyy)** _____ **To (mm/yyyy)** _____
Hoàn tất _____ Thời gian học _____ Từ (tháng/năm) _____ Đến (tháng/năm) _____

- Other college or university/Trường Cao đẳng hoặc Đại học khác** _____
Program name/Tên ngành _____
Program level/Cấp độ học _____ **Study location/Địa điểm học** _____
 Completed _____ **Duration** _____ **From (mm/yyyy)** _____ **To (mm/yyyy)** _____
Hoàn tất _____ Thời gian học _____ Từ (tháng/năm) _____ Đến (tháng/năm) _____

Gap time activities information/Thông tin về các hoạt động gần nhất (nếu có)

- Studied English** _____ **English Centre** _____ **From (mm/yyyy)** _____ **To (mm/yyyy)** _____
Học Tiếng Anh _____ TT Anh Ngữ _____ Từ (tháng/năm) _____ Đến (tháng/năm) _____
- Being employed** _____ **Company** _____ **From (mm/yyyy)** _____ **To (mm/yyyy)** _____
Làm việc _____ Công ty _____ Từ (tháng/năm) _____ Đến (tháng/năm) _____
- Work on a project** _____ **Project** _____ **From (mm/yyyy)** _____ **To (mm/yyyy)** _____
Làm dự án _____ Dự án _____ Từ (tháng/năm) _____ Đến (tháng/năm) _____
- Other (please provide more information)** _____
Khác (Vui lòng cung cấp thêm thông tin) _____

Have you previously been expelled from RMIT Vietnam or any other college or university?

Bạn đã từng bị đình chỉ học tập từ RMIT hay trường nào khác chưa?

- No** _____
- Yes (please submit the personal statement to explain why and share your study plan to success at RMIT)**
Có (vui lòng nộp thư giải thích lý do tại sao bạn bị đình chỉ học và nêu kế hoạch học tập tại RMIT trong thời gian sắp tới)

Registration for undergraduate program

Đăng ký chương trình Đại học

Please choose **ONE** program only. Note: If you change program after study, credits and grades may be transferred to the new program depending on completed courses and the new program structure.

Vui lòng chỉ chọn **MỘT** ngành. Lưu ý: Nếu sinh viên thay đổi ngành trong quá trình học thì tín chỉ và điểm đạt được có thể được chuyển qua ngành mới tùy số lượng môn đã đậu và cấu trúc ngành chuyển đổi.

Programs from The Business School/Các ngành từ Khoa Kinh doanh

BP312 Tourism and Hospitality Management

Quản trị Du lịch và Khách sạn

BP318 Digital Marketing

BP351 Accounting/Kế toán

BP343 Business/Kinh doanh

• **Minor in/Chuyên ngành phụ** _____

• **Major in (Up to 2 majors)**

Chuyên ngành chính (Tối đa 2 chuyên ngành chính)

Programs from School of Communication & Design/Các ngành từ Khoa Truyền thông & Thiết kế

BP309 Design (Digital Media)

Thiết kế (Truyền thông Số)

BP316 Design Studies

Thiết kế Ứng dụng Sáng tạo

BP222 Communication (Professional Communication)

Truyền thông Chuyên nghiệp

BP317 Languages

Ngôn ngữ

BP327 Fashion (Enterprise)

Quản trị Doanh nghiệp Thời trang

BP325 Digital Film and Video

Sản xuất Phim Kỹ thuật số

BP214 Design (Games)

Thiết kế Game

• **Major in/Chuyên ngành chính** _____

And/và

• **Minor in/Chuyên ngành phụ** _____

Programs from School of Science, Engineering & Technology/Các ngành từ Khoa Khoa học, Kỹ thuật & Công nghệ

BP070 Applied Science (Aviation)

Khoa học Ứng dụng (Hàng không)

BH120 Software Engineering (Honours)

Kỹ sư (Kỹ thuật Phần mềm)

BP154 Psychology

Tâm lý học

BP162 Information Technology

Công nghệ Thông tin

BH073 Electronic and Computer Systems Engineering (Honours)

Kỹ sư (Kỹ thuật Điện tử và Hệ thống máy tính)

BH123 Robotics and Mechatronics Engineering (Honours)

Kỹ sư (Kỹ thuật Robot và Cơ điện tử)

BP199 Food Technology and Nutrition

Công nghệ Thực phẩm và Dinh dưỡng

• **Major in/Chuyên ngành chính** _____

• **Major in**

Chuyên ngành chính

Or/hoặc

• **Minor in (Up to 2 minors)**

Chuyên ngành phụ (Tối đa 2 chuyên ngành phụ)

Pathways/Các lựa chọn chuyển tiếp Đại học

UniSTART Academic*

UniSTART Học thuật*

FS022 Foundation Studies*

Dự bị Đại học*

• **Study options/Nhóm ngành**

Business

Kinh doanh

Art, Design and Architecture

Nghệ thuật, Thiết kế và Kiến trúc

*Non-AQF award studies/Chương trình học nằm ngoài Khung trình độ Úc

Campus/Cơ sở

Saigon South/Nam Sài Gòn

Hanoi City/Hà Nội

Semester/Học kỳ

February/Tháng 02

June/Tháng 06

October/Tháng 10

Other/Khác _____

Year/Năm: _____

Registration for English program (for non-native English speakers)

Đăng ký chương trình Anh ngữ

Your most recent English language certificate

Chứng chỉ tiếng Anh gần đây nhất của bạn

Test date/Ngày thi _____

Result/Kết quả _____

Register for/Đăng ký cho chương trình

English for University/Tiếng Anh cho Đại học

Level/Cấp độ _____

Commencement date/Ngày khai giảng _____

IELTS Test Preparation/Luyện thi IELTS

Commencement date/Ngày khai giảng _____



Equitable Learning Service

Dịch vụ hỗ trợ đặc biệt

RMIT Vietnam is committed to providing an accessible and inclusive learning environment for all students. If you would like tailored adjustments, please indicate the condition below:

RMIT Việt Nam cam kết cung cấp một môi trường học tập hòa nhập và dễ dàng tiếp cận cho tất cả sinh viên. Nếu bạn mong muốn có những điều chỉnh phù hợp, vui lòng miêu tả tình trạng của bạn bên dưới:

- | | |
|--|--|
| <input type="checkbox"/> Neurological (Autism, ADHD, dyslexia, acquired brain injury, migraines)
Tâm thần kinh (Tự kỷ, ADHD - Tăng động giảm chú ý, chứng khó đọc, chấn thương não ABI, chứng đau nửa đầu) | <input type="checkbox"/> Medical (diabetes, epilepsy, Chrones disease, cancer, IBS, blood pressure, stroke)
Bệnh lý (tiểu đường, động kinh, bệnh Chrones, ung thư, IBS, huyết áp, đột quỵ) |
| <input type="checkbox"/> Sensory (hearing, vision, speech)
Giác quan (thính giác, thị giác, khả năng diễn đạt bằng ngôn ngữ) | <input type="checkbox"/> Carer (you are the primary carer of anyone with above conditions)
Người chăm sóc (bạn là người chăm sóc chính cho người có các tình trạng được nêu trên) |
| <input type="checkbox"/> Physical (mobility, short stature)
Thể chất (khả năng di chuyển, tầm vóc thấp bé) | <input type="checkbox"/> Other (please specify)
Khác (Vui lòng ghi rõ) _____ |
| <input type="checkbox"/> Mental health (depression, anxiety, bipolar, OCD)
Sức khỏe tinh thần (trầm cảm, lo âu, lưỡng cực, rối loạn ám ảnh cưỡng chế OCD) | |



Applicant declaration

Xác nhận của sinh viên

Please read and sign the following declaration. This application is not valid unless signed and dated.

Sinh viên vui lòng đọc và ký xác nhận bên dưới. Hồ sơ sẽ không được xét duyệt nếu thiếu chữ ký và ngày ký.

I declare that, to the best of my knowledge, the information supplied in this application and supporting documentation is correct and complete. I will notify RMIT University Vietnam immediately of any change to my personal details.

Tôi xác nhận rằng tôi hiểu rõ tất cả các thông tin tôi đã điền trong đơn này và tất cả các thông tin tôi cung cấp là hoàn toàn chính xác và được điền đầy đủ. Tôi sẽ thông báo ngay cho Đại học RMIT Việt Nam nếu tôi có thay đổi thông tin cá nhân.

I authorize RMIT University Vietnam to obtain further information based on my submission answers from other organisations.

Tôi cho phép RMIT Việt Nam liên hệ với các tổ chức khác để kiểm tra đối chiếu với các thông tin tôi đã cung cấp trong hồ sơ nhập học.

I acknowledge that the giving of incorrect information or the withholding of information or documentation relating to my application may result in the cancellation of any offer or enrolment by RMIT University Vietnam.

Tôi hoàn toàn hiểu rõ rằng nếu tôi cung cấp sai sự thật hoặc không nộp đầy đủ hồ sơ liên quan đến quá trình xét hồ sơ của tôi thì hồ sơ nhập học hay đăng ký nhập học của tôi sẽ bị hủy bỏ.

I understand that this form allows for information, including my personal details and information about my academic and financial records, to be released to those identified in the Personal Contact section. I further understand that RMIT University Vietnam will only release this information for the reason(s) nominated and only after proper identification has been made.

Tôi hiểu rõ rằng nếu tôi ký xác nhận cung cấp thông tin là tôi đồng ý cung cấp các thông tin cá nhân, kết quả học tập, và các thông tin về chi phí học tập tại trường cho người thân/người quen liệt kê trong phần Thông tin người thân. Tôi cũng hiểu rằng, sau khi xác nhận đúng người được ủy quyền, Đại học RMIT Việt Nam được toàn quyền cung cấp các thông tin trên cho các cá nhân được ủy quyền này.

I understand that RMIT University Vietnam may be required to release information about my status as a student to other bodies as part of its legal requirements within Vietnam and Australia.

Tôi hiểu rõ rằng Đại học RMIT Việt Nam cũng có thể cung cấp thông tin học tập và cá nhân của tôi cho cơ quan chính quyền của địa phương hoặc của Úc.

I understand that RMIT University Vietnam reserves the right to discontinue or alter any program, course/subject, fee, admission requirement, staffing or other arrangement without prior notice.

Tôi hiểu rằng Đại học RMIT Việt Nam có quyền hoãn kỳ nhập học cũng như thay đổi chương trình học, môn học, các chi phí, yêu cầu xét tuyển, nhân sự và các kế hoạch khác mà không phải báo trước.

I have read and understood RMIT University Vietnam's privacy statement and accept its conditions(*).

Tôi xác nhận rằng tôi đã đọc, hiểu rõ và chấp nhận các điều khoản bảo mật của Đại học RMIT Việt Nam (*).

Applicant's signature

Sinh viên ký xác nhận

Full name:

Họ và tên: _____

Date (dd/mm/yyyy):

Ngày (ngày/tháng/năm): _____

(* Privacy statement

RMIT University collects and uses your personal information to enable pre-selection, enrolment and provision of educational services. Your personal information will be held securely by the University and can be accessed by you on request. The University may be required to disclose information in certain circumstances, for example to the Australian government agencies, including the Department of Education and Training. For more information please refer to the RMIT University's privacy statement at <https://www.rmit.edu.au/utilities/privacy> or contact privacy@rmit.edu.au.

(* Điều khoản bảo mật

Đại học RMIT thu thập và sử dụng thông tin cá nhân của học sinh cho mục đích tuyển sinh, đăng ký nhập học và các dịch vụ giáo dục khác. Các thông tin trên sẽ được giữ bảo mật bởi trường và có thể được truy cập theo yêu cầu của học sinh. Nhà trường có thể phải cung cấp những thông tin này trong những trường hợp bắt buộc, ví dụ như cho những tổ chức chính phủ quan trọng của Úc, bao gồm Bộ giáo dục & đào tạo. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập chính sách quyền riêng tư của đại học RMIT tại <http://www.rmit.edu.au/utilities/privacy> hoặc liên hệ privacy@rmit.edu.au.